TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 131/2025/DS-ST Ngày 19-8-2025. V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Trần Hoàng Giang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2025/TLST-DS, ngày 13 tháng 5 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2025/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Chí H, sinh năm 1987 (Có mặt).

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1988 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm B, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Phạm Thị T (Vắng mặt).

3. Phạm Thị H (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm B, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Trần Anh T, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2025 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim N trình bày: Bà có cho vợ chồng ông Huỳnh Chí H và bà Phạm Thị N vay tiền nhiều lần, khi vay lãi suất thỏa thuận là 1,66%/01 tháng, cụ thể N sau: Vào ngày 28/10/2023 vay số tiền 80.000.000 đồng, ngày 24/4/2024 vay số tiền 80.000.000 đồng, ngày 07/6/2024 vay số tiền 110.000.000 đồng, ngày 19/01/2025 vay số tiền 30.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng, các lần vay đều có làm biên nhận nợ do ông H và bà N ký tên. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông H và bà N có giao cho bà giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 077964, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/4/2016 đứng tên Huỳnh Văn T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 471453, được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau cấp ngày 31/12/2003 đứng tên Phạm Xuân T (đã chết). Sau khi vay thì ông H và bà N không thực hiện trả tiền vốn và lãi cho bà. Nay bà yêu cầu giải quyết buộc ông H và bà N liên đới trả số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ từ ngày vay đến ngày 12/8/2025 là 338.120.000 đồng, trong đó tiền vốn là 300.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/01 tháng với số tiền 38.120.000 đồng. Bà đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Phạm Xuân T cho bà N, bà H và bà T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T khi ông H và bà N trả đủ tiền cho bà.

Tại biên bản hòa giải vào ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau, bị đơn ông Huỳnh Chí H trình bày: Ông thống nhất các biên nhận đều do ông và bà N ký tên. Nhưng đối với biên nhận vào ngày 28/10/2023 vay số tiền 80.000.000 đồng và biên nhận vào ngày 07/6/2024 vay số tiền 110.000.000 đồng thì không phải là tiền vay mà là tiền lãi còn nợ của số tiền chuyển Nợng 600.000.000 đồng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông Trần Anh T, do ông vay tiền còn nợ bà N nên ký hợp đồng chuyển Nợng đất cho ông T, ông không có nhận tiền nên không chấp nhận trả 02 khoản này với số tiền 190.000.000 đồng. Do đó, ông và bà N chỉ vay số tiền 110.000.000 đồng nên đồng ý trả số tiền vốn 110.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông thống nhất ông và bà N có vay và còn nợ bà N tổng số tiền vốn 300.000.000 đồng, khi vay giữa ông và bà N thỏa thuận lãi suất là 3%/01 tháng chứ không phải 1,66%/01 tháng N bà N đã khai. Từ khi ký các biên nhận nợ đến nay thì ông có đóng lãi cho bà N nhưng không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu và vào thời gian nào nên không cung cấp được giấy tờ chứng

minh nhưng không có trả vốn. Nay ông và bà N đồng ý liên đới trả cho bà N tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 338.120.000 đồng, trong đó tiền vốn 300.000.000 đồng và lãi suất 38.120.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông H, thống nhất cùng ông H trả cho bà N số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 338.120.000 đồng. Khi vay tiền bà và ông H có giao cho bà N giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Huỳnh Văn T và Phạm Xuân T (chết năm 2008), ông Thạch có vợ là bà Phạm Thị T và 02 người con là bà và bà Phạm Thị H, cha và mẹ của ông Thạch đã chết, ngoài ra ông Thạch không còn con đẻ, con nuôi nào khác.

Tại biên bản hòa giải vào ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh T trình bày: Ông H có chuyển Nợng cho ông một phần đất do ông H đứng tên với số tiền 600.000.000 đồng, hợp đồng đã được công chứng chứng thực theo quy định. Nng ông không có tính lãi đối với số tiền chuyển Nợng N ông H trình bày mà số tiền ông H đã ký nhận với bà N là tiền vay còn nợ bà N. Nay bà N khởi kiện đối với ông H và bà N về tranh chấp tiền vay thì ông không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T, bà Phạm Thị T và bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần Nng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Kim N.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Cà Mau: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim N, buộc ông Huỳnh Chí H và bà Phạm Thị N liên đới trả cho bà Nguyễn Kim N số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 338.120.000 đồng, buộc bà N trả lại cho ông Huỳnh Văn T và bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N đang giữ. Đồng thời, buộc ông H và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà N khởi kiện ông H và bà N liên đới trả số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông H và bà N cùng cư trú tại Khóm B, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn T, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị H và ông Trần Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các

đương sự nói trên là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp, các đương sự đều thừa nhận bà N có cho vợ chồng ông H và bà N vay tiền nhiều lần, ngày 28/10/2023 vay số tiền 80.000.000 đồng, ngày 24/4/2024 vay số tiền 80.000.000 đồng, ngày 07/6/2024 vay số tiền 110.000.000 đồng, ngày 19/01/2025 vay số tiền 30.000.000 đồng, tổng số tiền vốn vay ông H và bà N còn nợ bà N là 300.000.000 đồng nên ông H và bà N đồng ý trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng và đồng ý trả lãi suất còn nợ từ ngày vay đến ngày 12/8/2025 với mức lãi suất 0,83%/01 tháng với số tiền 38.120.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi là 338.120.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc bà N giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Xuân T (đã chết) và ông Huỳnh Văn T thì các đương sự thừa nhận việc giao giữ giấy chỉ để làm tin cho hợp đồng vay tài sản. Do đó, bà N có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Xuân T (đã chết) gồm có: Bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị N và Phạm Thị H là phù hợp.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông H và bà N liên đới trả cho bà N số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ 338.120.000 đồng. Bà Nguyễn Kim N có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Văn T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 077964, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/4/2016 đứng tên Huỳnh Văn T và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 471453, được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau cấp ngày 31/12/2003 đứng tên Phạm Xuân T (đã chết) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Xuân T gồm có: Bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị H là có căn cứ.

[3] Do đó, quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N được Tòa án chấp nhận nên ông H và bà N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim N. Buộc ông Huỳnh Chí H và bà Phạm Thị N liên đới trả cho bà Nguyễn Kim N số tiền vốn

vay và lãi suất còn nợ 338.120.000 (Ba trăm ba mươi tám triệu một trăm hai mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Bà Nguyễn Kim N có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Văn T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 077964, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/4/2016 đứng tên Huỳnh Văn T và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 471453, được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau cấp ngày 31/12/2003 đứng tên Phạm Xuân T (đã chết) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Xuân T gồm có: Bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Huỳnh Chí H và bà Phạm Thị N phải chịu số tiền 16.906.000 đồng. Bà Nguyễn Kim N đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 9.046.400 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004114 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Cà Mau, nay hoàn trả lại toàn bộ cho bà Nguyễn Kim N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Huệ